TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 09-6-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Phạm Tấn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST–DS, ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST–DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST–DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Kiến Điền, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 01 năm 2022), có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố 7, phường Tương Bình H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố 7, phường Tương Bình H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trường Giang trình bày:

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, bà Nguyễn Thị Thu T làm giấy đề nghị vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh được Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C trình Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng phê duyệt.

Căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C được Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng phê duyệt ngày 17-11-2017 Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã Bến Cát giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu T vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng, thời gian vay là 60 tháng, lãi suất 0,75% ngày đến hạn khoản vay là 17/11/2022, tài sản đảm bảo khoản vay là không có tài sản bảo đảm.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, bà Nguyễn Thị Thu T làm giấy đề nghị vay vốn chương trình hộ cận nghèo việc làm để chăm sóc cao su được Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C trình Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng phê duyệt.

Căn cứ vào danh sách Hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C được Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng phê duyệt, ngày 17-11-2017 Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã Bến Cát giải ngân cho bà T vay chương trình Hộ cận nghèo, số tiền 50.000.000 đồng, thời gian cho vay 36 tháng, lãi suất 0.66%, ngày đến hạn khoản vay là 17-11-2020.

Đến ngày 04 tháng 01 năm 2021 bà Nguyễn Thị Thu T còn nợ số tiền gốc là 62.000.000 đồng và nợ lãi là 11.174.037 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không nộp lãi tồn, Ngân hàng C đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản và xử lý nhiều lần nhưng hộ vay vẫn chưa thanh toán.

Nay, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Trọng B trả các khoản tiền sau: Thanh toán số tiền gốc là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng) đồng tiền dư nợ gốc 11.174.034 (mười một triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm ba mươi bốn đồng) tiền nợ lãi và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 04 tháng 01 năm 2021.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Trọng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà T và bà H không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng C và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T và bà H.

Tại bản tự khai ngày 10-6-2021, bị đơn là ông Nguyễn Trọng B trình bày: ông B và bà T đăng ký kết hôn vào tháng 7-2016 sau khi kết hôn ông B và bà T sống tại ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Sau đó ly hôn vào ngày 18-12-2020 theo Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống ông B không biết gì về khoản vay của bà T. Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C ông B có những ý kiến sau: Ông B không ký tên vào Biên bản nào liên quan đến việc vay vốn của Ngân hàng C và không biết gì về khoản vay này, ông B cũng không nhận một khoản tiền nào từ Ngân hàng C. Do đó, ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C khi yêu cầu ông B cùng trả số tiền trên. Ông B không đồng ý với chữ ký và chữ viết tên trong Biên bản làm việc ngày 16 tháng 12 năm 2020 nhưng ông B không có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Ngân hàng C ban hành Quyết định số 71/QĐ-HĐQT về việc thành lập Phòng giao dịch Ngân hàng C, cụ thể là Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Bàu Bàng, bằng văn bản này ông Nguyễn Trung Thủy giữ chức vụ Giám đốc. Ngày 04 tháng 01 năm 2022, ông Thủy quyền cho ông Nguyễn Thành H tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Thành H trình bày: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Trọng B cùng có trách nhiệm trả số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng) đồng tiền dư nợ gốc, 11.174.034 (mười một triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm ba mươi bốn đồng) tiền nợ lãi và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 04 tháng 01 năm 2021. Tại phiên tòa, ông H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng C chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B cùng trả số tiền 82.188.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng), trong đó: 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng) đồng tiền dư nợ gốc và 20.188.000 đồng (hai mươi triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền lãi tính đến ngày 09-6-2022. Ngoài ra, bà T và ông B còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 10-6-2022 với mức lãi suất 0,78%/tháng trên số tiền nợ gốc còn lại. Ngân hàng C không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H thanh toán số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Trọng B vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng C khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu thanh toán nợ vay trong hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có nơi cư trú tại ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu nơi thực hiện Hợp đồng vay vốn có thẩm quyền giải quyết. Hợp đồng vay vốn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và Ngân hàng C được thực hiện tại xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, ông Nguyễn Trọng B vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C được Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng phê duyệt, ngày 17-11-2017 Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã Bến Cát giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu T vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng, thời gian vay là 60 tháng, lãi suất 0,75% ngày đến hạn khoản vay là 17-11-2022, tài sản đảm bảo khoản vay là không có bảo đảm; Căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C được Ủy ban nhân dân xã Lai Hưng phê duyệt, ngày 17-11-2017 Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã Bến Cát giải ngân cho bà T vay chương trình Hộ cận ghèo, số tiền 50.000.000 đồng, thời gian cho vay 36 tháng, lãi suất 0.66%, ngày đến hạn khoản vay là 17-11-2020.

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C và bà T được thể hiện bằng sổ vay vốn có mã KH 4900026444 kèm theo tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ. Ngân hàng C thực hiện giải ngân, giao bà T tổng hai lần vay tiền là 62.000.000 đồng. Từ ngày vay cho đến thời điểm hiện tại bà T không thực hiện đóng gốc và đóng lãi theo quy định. Cụ thể ngân hàng C đã lập các biên bản đối với hộ vay vốn về việc thu hồi lãi tồn vào các ngày 01-7-2019, ngày 20-8-2019 và 16-12-2020. Bà T không thực hiện trả nợ gốc, không trả lãi cho Ngân hàng C.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T, bà H và ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng C đưa ra. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai ngày 10-6-2021, bị đơn là ông Nguyễn Trọng B trình bày: ông B và bà T đăng ký kết hôn vào tháng 7-2016 sau khi kết hôn ông B và bà T sống tại ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Sau đó ly hôn vào ngày 18-12-2020 theo Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống ông B không biết gì về khoản vay của bà T. Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C ông B có những ý kiến sau: Ông B không ký tên vào Biên bản nào liên quan đến việc vay vốn của Ngân hàng C và không biết gì về khoản vay này, ông B cũng không nhận một khoản tiền nào từ Ngân hàng C. Do đó, ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C khi yêu cầu ông B cùng trả số tiền trên. Ông B không đồng ý với chữ ký và chữ viết tên trong Biên bản làm việc ngày 16 tháng 12 năm 2020 nhưng ông B không có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết.

Tại bản tự khai ngày 10-6-2021, bị đơn là ông Nguyễn Trọng B trình bày: Ông B không ký tên vào Biên bản nào liên quan đến việc vay vốn của Ngân hàng C và không biết gì về khoản vay này, ông B cũng không nhận một khoản tiền nào từ Ngân hàng C. Do đó, ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C khi yêu cầu ông B cùng trả số tiền trên. Ông B không đồng ý với chữ ký và chữ viết tên trong Biên bản làm việc ngày 16 tháng 12 năm 2020 nhưng ông B không có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết. Ông B trình bày ý kiến, nhưng ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày cho mình là hợp pháp vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét, Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) ngày 17 tháng 11 năm 2017 và Giấy đề nghị vay vốn kim phương án sử dụng ngày 13-11-2017 giữa Ngân hàng C và bà T có nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T chưa thanh toán một khoản nào cho Ngân hàng C, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết.

Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng C chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 82.188.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 62.000.000 đồng và 22.188.000 đồng nợ lãi tính đến ngày 09 tháng 6 năm 2022 và tiếp tục tính lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 tháng 6 năm 2022) đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trả nợ. Xét việc thay đổi yêu cầu của Ngân hàng C tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà T và ông B phải thanh toán số tiền còn nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ngân hàng C yêu cầu bà T và ông B trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng với mức lãi suất 0,78%/tháng tính từ ngày 10 tháng 6 năm 2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng C là phù hợp nội dung "*...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh*

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay" quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 227, 228, Điều 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng C số tiền 82.188.000 đồng (tám mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn đồng). Trong đó: nợ gốc là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày 09 tháng 6 năm 2022 là 20.188.000 đồng (hai mươi triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022 đến khi thi hành án xong. Nếu bà T và ông B không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng C thì phải tiếp tục trả lãi nợ quá hạn theo mức lãi do Ngân hàng C và bà T và ông B đã thỏa thuận trong

Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 13 tháng 11 năm 2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Trọng B cùng phải chịu 4.109.399 đồng (bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trng thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai